

CHƯƠNG 3
THANH TOÁN QUỐC TẾ
Mã chương: CKT441-03

Giới thiệu: Giúp người học nắm được ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cũng như các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái đối với hoạt động xuất nhập khẩu. Nắm được các phương thức thanh toán trong giao thương quốc tế.

Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + Trình bày về ngoại hối, tỷ giá hối đoái
- + Giải thích các loại tiền được sử dụng trong thanh toán và tín dụng quốc tế
- + Mô tả được các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế

- Kỹ năng:

- + Vận dụng nguyên tắc tính chéo để xác định tỷ giá hối đoái
- + Phân biệt sự khác nhau về các phương tiện thanh toán quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế
- + Vẽ sơ đồ về các phương tiện thanh toán quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế

1. Ngoại hối

1.1. Khái niệm ngoại hối

Trong pháp lệnh Ngoại hối (06/2013/UBTVQH13): Ngoại hối bao gồm:

- a) Đồng tiền của quốc gia khác hoặc đồng tiền chung châu Âu và đồng tiền chung khác được sử dụng trong thanh toán quốc tế và khu vực (sau đây gọi là ngoại tệ);
- b) Phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ, gồm séc, thẻ thanh toán, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ và các phương tiện thanh toán khác;
- c) Các loại giấy tờ có giá bằng ngoại tệ, gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty, kỳ phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác;
- d) Vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước, trên tài khoản ở nước ngoài của người cư trú; vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng trong trường hợp mang vào và mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

đ) Đồng tiền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc được sử dụng trong thanh toán quốc tế.

1.2. Thị trường ngoại hối

1.2.1. Khái niệm

Thị trường ngoại hối là thị trường ở đó các đồng tiền của các quốc gia được mua và bán với nhau. Đối tượng mua bán chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng được ghi bằng các đồng tiền khác nhau.

1.2.2. Sự cần thiết khách quan của thị trường ngoại hối

Các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế yêu cầu phải có một thị trường cho phép thực hiện việc chuyển đổi giữa các đồng tiền của các quốc gia khác nhau.

Thị trường ngoại hối có nguồn gốc từ sự đồng thời tồn tại giữa tính quốc tế của hoạt động thương mại, đầu tư và tính dân tộc của các đồng tiền.

1.2.3. Chức năng của thị trường ngoại hối

- Thực hiện việc chuyển đổi sức mua giữa các đồng tiền khác nhau.
- Là nơi xác định tỷ giá, một biến số kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế.
- Cung cấp các công cụ bảo hiểm rủi ro ngoại hối.

1.2.4. Các chủ thể tham gia thị trường ngoại hối

❖ Căn cứ vào mục đích tham gia thị trường:

- Các nhà kinh doanh (dealer): Là những người tham gia mua bán thường xuyên trên thị trường nhằm kiếm lời từ chênh lệch giữa giá bán ra và giá mua vào. Mục tiêu của nhà kinh doanh là kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giữa giá bán và giá mua.

- Các nhà môi giới (brokers): Là những người tham gia trên thị trường với tư cách là trung gian trong các giao dịch mua bán hoặc mua bán thay cho người khác nhằm thu hoa hồng trong từng giao dịch. Mục tiêu của nhà môi giới là hoa hồng thu được qua từng giao dịch. Khác với nhà kinh doanh, nhà môi giới chỉ là trung gian chứ không có tham gia mua bán nên không phải chấp nhận rủi ro.

- Các nhà đầu cơ (speculators): Là những người tham gia thị trường với hy vọng kiếm lời nếu sự thay đổi tỷ giá theo đúng dự đoán đồng thời sẵn sàng chấp nhận rủi ro nếu như tỷ giá biến động trái ngược với dự đoán của họ. Nhà

đầu cơ giống nhà kinh doanh ở chỗ có tham gia mua bán ngoại tệ và kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá lúc mua so với lúc bán hoặc lúc bán so với lúc mua. Tuy nhiên, nhà đầu cơ khác nhà kinh doanh ở chỗ họ rủi ro hơn do thời gian giữa lúc bán và lúc mua trong trường hợp đầu cơ thường dài hơn trong trường hợp kinh doanh.

- Các nhà kinh doanh chênh lệch giá (arbitrators): Là những người tìm kiếm lợi nhuận từ các cơ hội kinh doanh thuận lợi với phương châm là mua ở nơi nào, lúc nào rẻ và bán ở nơi nào, lúc nào đắt nhằm kiếm lợi nhuận phi rủi ro trong một thời gian rất ngắn. Các nhà kinh doanh chênh lệch giá là những người chuyên khai thác sự mất cân bằng tỷ giá giữa các khu vực để ra quyết định mua bán nhằm kiếm lợi nhuận phi rủi ro.

❖ *Căn cứ vào hình thức tổ chức:*

- Các nhà thương mại và đầu tư: Các nhà kinh doanh XNK và các nhà đầu tư.

- Các ngân hàng thương mại và các ngân hàng đầu tư.

- Các cá nhân và hộ gia đình: Những người có nhu cầu mua ngoại tệ khi đi công tác, du lịch, chữa bệnh..

- Ngân hàng Nhà nước: Ở hầu hết các nước, Ngân hàng Nhà nước là người đóng vai trò tổ chức và kiểm soát, điều hành và tham gia mua bán ngoại tệ nhằm ổn định sự hoạt động của thị trường ngoại hối, ổn định giá cả và tỷ giá hối đoái.

2. Tỷ giá hối đoái

❖ Khái niệm tỷ giá hối đoái

- Tỷ giá hối đoái là sự so sánh mối tương quan giá trị giữa hai đồng tiền với nhau.

- Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác.

Ví dụ: Ngày xx/xx/xxxx, trên thị trường hối đoái quốc tế ta có thông tin:

1 Đô la Mỹ (USD) = 114.18 Yên Nhật (JPY)

1 Bảng Anh (GBP) = 1.7684 Đô la Mỹ (USD)

❖ Phương pháp yết giá

1 đồng yết giá = x đồng tiền định giá

Có nhiều tác giả dùng các thuật ngữ khác nhau về biểu hiện tỷ giá, thậm chí trái ngược nhau xung quanh hai khái niệm trực tiếp và gián tiếp.

Để dễ hiểu ở đây chúng ta sử dụng hai cách biểu hiện tỷ giá sau đây:

- *Cách thứ nhất*, yết giá trực tiếp (**Direct quotation**) tại một nước người ta so sánh một ngoại tệ nào đó với đồng nội tệ.

$$1 \text{ ngoại tệ} = X \text{ nội tệ}$$

Phương pháp yết giá này được áp dụng ở nhiều quốc gia: Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore, Việt Nam...

- *Cách thứ hai*, yết giá gián tiếp (**Indirect quotation**) tại một nước, người ta so sánh đồng nội tệ với đồng ngoại tệ.

$$1 \text{ nội tệ} = X \text{ ngoại tệ}$$

Phương pháp yết giá này áp dụng ở một số nước như: Anh, Úc, Châu Âu, Mỹ...

❖ Các loại tỷ giá hối đoái

Có thể có các loại tỷ giá khác nhau sử dụng trên thị trường hối đoái. Chúng ta có thể xem xét một số tỷ giá sau đây:

- Căn cứ vào đối tượng xác định tỷ giá, có thể chia làm tỷ giá chính thức và tỷ giá thị trường.

+ Tỷ giá chính thức là tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước của nước đó xác định. Trên cơ sở của tỷ giá này các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng sẽ ấn định tỷ giá mua bán ngoại tệ giao ngay, có kỳ hạn, hoán đổi.

+ Tỷ giá thị trường là tỷ giá được hình thành trên cơ sở quan hệ cung cầu trên thị trường hối đoái.

- Căn cứ vào kỳ hạn thanh toán, có thể chia làm tỷ giá giao ngay và tỷ giá có kỳ hạn.

+ Tỷ giá giao ngay (Spot): Là tỷ giá do tổ chức tín dụng yết giá tại thời điểm giao dịch hoặc do hai bên thỏa thuận nhưng phải đảm bảo trong biểu độ do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc thanh toán giữa các bên phải được thực hiện trong vòng hai ngày làm việc tiếp theo, sau ngày cam kết mua hoặc bán.

+ Tỷ giá giao dịch kỳ hạn (Forwards): Là tỷ giá giao dịch do tổ chức tín dụng tự tính toán và thỏa thuận với nhau nhưng phải đảm bảo trong biên độ qui

định về tỷ giá kỳ hạn hiện hành của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ký hợp đồng.

- Căn cứ vào giá trị của tỷ giá, có thể chia làm tỷ giá danh nghĩa và tỷ giá thực.

+ Tỷ giá hối đoái danh nghĩa: Là tỷ giá của một loại tiền tệ được biểu hiện theo giá hiện tại, không tính đến bất kỳ ảnh hưởng nào của lạm phát.

+ Tỷ giá hối đoái thực: Là tỷ giá có tính đến tác động của lạm phát và sức mua trong một cặp tiền tệ phản ánh giá cả hàng hóa tương quan có thể bán ra nước ngoài và hàng tiêu thụ trong nước. Tỷ giá này đại diện cho khả năng cạnh tranh quốc tế của nước đó.

- Căn cứ vào phương thức chuyển ngoại hối, có thể chia làm tỷ giá điện hối và tỷ giá thư hối.

+ Tỷ giá điện hối: Là tỷ giá thường được niêm yết tại ngân hàng. Đó là tỷ giá chuyển ngoại hối bằng điện. Tỷ giá điện hối là tỷ giá cơ sở để xác định các loại tỷ giá khác.

+ Tỷ giá thư hối, tức là tỷ giá chuyển ngoại hối bằng thư. Tỷ giá điện hối thường cao hơn tỷ giá thư hối.

- Căn cứ vào thời điểm mua, bán ngoại hối, có thể phân biệt tỷ giá mua và tỷ giá bán của ngân hàng.

+ Tỷ giá mua: Là tỷ giá của ngân hàng mua ngoại hối vào. Tỷ giá bán là tỷ giá của ngân hàng bán ngoại hối ra. Tỷ giá mua bao giờ cũng thấp hơn tỷ giá bán và khoản chênh lệch đó là lợi nhuận kinh doanh ngoại hối của ngân hàng.

Thông thường thì ngân hàng không công bố tất cả tỷ giá của các hợp đồng đã ký kết trong một ngày mà chỉ công bố tỷ giá của hợp đồng ký kết cuối cùng trong ngày đó, người ta gọi đó là tỷ giá đóng cửa. Tỷ giá đóng cửa được coi là chỉ tiêu chủ yếu về tình hình biến động của tỷ giá trong ngày hôm đó. Tỷ giá được công bố vào đầu giờ của đầu ngày giao dịch được gọi là tỷ giá mở cửa.

Trong nghiệp vụ mua bán ngoại hối của ngân hàng còn chia ra tỷ giá tiền mặt và tỷ giá chuyển khoản. Tỷ giá chuyển khoản bao giờ cũng cao hơn tỷ giá tiền mặt.

Trong khuôn khổ chế độ quản lý ngoại hối ở các nước kém phát triển, ngoài thị trường ngoại hối chính thức còn tồn tại thị trường ngoại hối tự do, do đó bên cạnh tỷ giá chính thức do nhà nước quy định còn có tỷ giá chợ đen do quan hệ cung cầu ngoại hối trên thị trường này quyết định.

❖ Tỷ giá tính chéo (Cross rate)

Tỷ giá chéo là tỷ giá giữa hai đồng tiền tính toán thông qua một đồng tiền thứ 3. Đồng tiền thứ 3 này thường là Dollar. Cách xác định tỷ giá này phụ thuộc vào yết giá trực tiếp hay gián tiếp

✓ Nguyên tắc tính chéo:
$$\frac{A}{B} = \frac{A}{C} \times \frac{C}{B}$$

Ví dụ: Tại Paris, Ngân hàng Quốc gia Paris công bố tỷ giá:

$$\text{USD/EUR} = 0.8100$$

$$\text{GBP/EUR} = 1.4634$$

Xác định tỷ giá: USD/GBP

Ta có thể viết như sau:

$$\begin{aligned}\text{USD/GBP} &= \text{USD/EUR} \times \text{EUR/GBP} = (\text{USD/EUR}) \times \{1/(\text{GBP/EUR})\} \\ &= (0.8100) \times 1/1.4634 = 0.5535\end{aligned}$$

✓ Vận dụng nguyên tắc tính chéo để xác định tỷ giá hối đoái

TH1: Hai đồng tiền yết giá trực tiếp:

Ví dụ: Một công ty Pháp xuất khẩu một lô hàng thu được 100,000 CHF, cần bán cho Ngân hàng để lấy đồng EUR. Như vậy Ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty bao nhiêu EUR ?

Cho biết tỷ giá công bố là:

$$\text{USD/CHF} = 1.6115/25$$

$$\text{USD/EUR} = 0.8100/0.8110$$

Giải

Áp dụng công thức tính chéo ta có:

$$\text{CHF/EUR} = (\text{CHF/USD}) \times (\text{USD/EUR}) = 1/(\text{USD/EUR}) \times (\text{USD/CHF})$$

Vấn đề ở đây là ta dùng tỷ giá mua hay bán.

Ta suy luận như sau:

Trước hết công ty sẽ bán 100,000CHF cho ngân hàng để mua USD, như vậy ngân hàng sẽ bán USD cho công ty, tức là ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá bán USD/CHF = 1.6125, sau đó công ty sẽ bán USD để mua EUR, lúc này ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá mua USD/EUR = 0.8100.

Thế vào công thức ta thu được tỷ giá bán của công ty như sau:

$$\text{CHF/EUR} = (1/1.6125) \times 0.8100 = 0.5023$$

Vậy tổng số tiền EUR mà ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty là:

$$100,000 \times 0.5023 = 50,230\text{EUR}$$

TH2: Hai đồng tiền yết giá gián tiếp:

Ví dụ: Một công ty cần bán cho ngân hàng 100,000GBP để lấy EUR. Như vậy ngân hàng sẽ trả cho công ty bao nhiêu EUR ?

Cho biết tỷ giá:

$$\text{GBP/USD} = 1.5810/20$$

$$\text{USD/EUR} = 0.8270/80$$

Giải

Áp dụng công thức tính chéo, ta có: $(\text{GBP/EUR}) = (\text{GBP/USD}) \times (\text{USD/EUR})$

Ta suy luận như sau:

Trước hết công ty sẽ bán GBP cho ngân hàng để mua USD, do vậy ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá mua $\text{GBP/USD} = 1.5810$; sau đó công ty sẽ bán số USD này cho ngân hàng để lấy EUR, do đó ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá mua $\text{USD/EUR} = 0.8270$.

$$\text{Thay vào công thức ta có: } \text{GBP/USD} = 1.5810 \times 0.8270 = 1.3075$$

Số tiền mà ngân hàng trả cho công ty là: $100,000\text{GBP} \times 1.3075 = 130,750\text{EUR}$

TH3: Hai đồng tiền yết giá khác nhau: Tỷ giá chéo giữa 1 đồng tiền yết giá trực tiếp và một đồng tiền yết giá gián tiếp.

Ví dụ: Một công ty cần mua 100,000 GBP trả bằng EUR. Vậy công ty phải trả cho Ngân hàng bao nhiêu EUR ?

Cho biết tỷ giá:

$$\text{GBP/USD} = 1.5810/20$$

$$\text{USD/EUR} = 0.8270/80$$

Giải

Áp dụng công thức tính chéo, ta có:

$$\text{GBP/EUR} = (\text{GBP/USD}) \times (\text{USD/EUR})$$

Ta suy luận như sau:

Trước hết công ty sẽ bán EUR để mua USD, do đó ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá bán $\text{USD/EUR} = 0.9280$; sau đó công ty sẽ bán USD để lấy GBP, do đó ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá bán $\text{GBP/USD} = 1.5820$.

Thay vào công thức trên ta tính được tỷ giá: $GBP/EUR = 1.5820 \times 0.8280 = 1.3099$

Vậy công ty phải trả cho ngân hàng số tiền: $100,000GBP \times 1.3099 = 130,990$ EUR

2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái

- Liên quan giữa tỷ giá hối đoái với tỷ lệ lạm phát hay sức mua

Nói cách khác ở đây muốn nói đến mối liên hệ giữa tỷ giá hối đoái và sức mua của mỗi đồng tiền trong mỗi cặp tiền tệ. Để thấy rõ mối liên quan này ta sử dụng lý thuyết sức mua của Ricardo- Cassel. Lý thuyết này giả thuyết rằng tỷ giá hối đoái ở mức cân bằng phải thể hiện sự ngang bằng trong sức mua giữa hai đồng tiền tương ứng và nó được gọi là lý thuyết 3P (Purchasing Power Parity). Lý thuyết này giả thuyết trong một nền kinh tế cạnh tranh lành mạnh, tức là trong đó cước phí vận chuyển, thuế hải quan giả định bằng 0. Do đó nếu các hàng hóa đồng nhất thì người tiêu dùng sẽ mua hàng ở nước nào có giá thật sự thấp. Theo giả thiết đó, một kiện hàng A ở Mỹ có giá là 100USD và ở Pháp là 80EUR, có nghĩa là theo ngang giá sức mua đối nội của hai đồng tiền này là: $USD /EUR = 0.8000$. Nếu ở Mỹ mức lạm phát là 5%/năm và ở Pháp là 10%/năm thì giá kiện hàng A ở Mỹ sẽ tăng lên là 105USD, ở Pháp tăng lên là 88EUR. Do đó ngang giá sức mua đối nội sẽ là $105USD = 88EUR$, hay $USD/EUR = (88/105) = 0.8381$

Như vậy: - Tỷ giá trước lạm phát là $USD/EUR = 0.8000$

- Tỷ giá sau lạm phát là $USD/EUR = 0.8381$

Mức chênh lệch tỷ giá là 4,76% trong khi đó mức chênh lệch lạm phát là 5%, hai mức này có thể coi là tương tự như nhau. Qua đó cho thấy tỷ giá biến động do lạm phát phụ thuộc mức chênh lệch của lạm phát của hai đồng tiền yết giá và định giá.

Từ ví dụ trên, ta có thể đi đến công thức sau:

Tỷ giá cuối kỳ $A/B =$ tỷ giá đầu kỳ $A/B \times \{(1+lạm\ phát\ B)/(1+lạm\ phát\ A)\}$

Giả sử đồng tiền của 2 nước là A và B, trong đó đồng tiền A là yết giá và B là đồng tiền định giá. Nước nào có mức độ lạm phát lớn hơn thì đồng tiền nước đó có sức mua thấp hơn, nước nào có mức độ lạm phát cao hơn mức độ lạm phát trung bình của thế giới hoặc của khu vực thì đồng tiền nước đó mất giá liên tục.

Ngoại hối có giá cả vì nó cũng là một loại hàng hóa và là một loại hàng hóa đặc biệt. Giá cả của ngoại hối cũng chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như giá cả

của các loại hàng hóa thông thường như mức độ lạm phát, và giảm phát, cung và cầu hàng hóa trên thị trường, sự lũng đoạn về giá cả v.v.

Nếu không tính đến các nhân tố khác mà chỉ tính riêng ảnh hưởng của nhân tố lạm phát, ta có thể dự đoán được sự biến động của tỷ giá trong tương lai.

- Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế

Cán cân thanh toán quốc tế có tác động rất quan trọng đến tỷ giá hối đoái. Tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế sẽ tác động trực tiếp đến cung và cầu ngoại hối, do đó nó tác động trực tiếp và rất nhạy bén đến tỷ giá hối đoái. Về nguyên tắc, nếu cán cân thanh toán quốc tế dư thừa có thể dẫn đến khả năng cung ngoại hối lớn hơn cầu ngoại hối, từ đó làm cho tỷ giá hối đoái có xu hướng giảm. Ngược lại nếu cán cân thanh toán quốc tế thiếu hụt có thể dẫn đến cầu ngoại hối lớn hơn cung ngoại hối, từ đó tỷ giá hối đoái có xu hướng tăng. Trong cán cân thanh toán quốc tế, cán cân thương mại có tác động cực kỳ quan trọng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái mà các nhà kinh tế đều công nhận. Đây là nhân tố cơ bản đứng sau lưng tỷ giá hối đoái.

Tuy nhiên tùy vào điều kiện của mỗi nước và trong từng giai đoạn phát triển, các cán cân khác cũng có vai trò rất lợi hại, ví dụ như cán cân giao dịch vốn. Cụ thể ở điều kiện của Việt Nam trong những năm gần đây, đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhanh tạo nên dòng chảy ngoại tệ vào trong nước rất lớn thể hiện trong tài khoản vốn trong cán cân thanh toán quốc tế, từ đó tác động lên cung ngoại hối và tỷ giá hối đoái.

- Tỷ giá hối đoái và mức chênh lệch lãi suất giữa các nước.

Nói chung, nếu các điều kiện và môi trường kinh doanh của các nước là tương đương nhau, nước nào có lãi suất ngắn hạn cao hơn thì vốn ngắn hạn sẽ chảy vào nhằm thu phần chênh lệch do tiền lãi tạo ra, do đó sẽ làm cho cung ngoại hối tăng lên, cầu ngoại hối giảm đi, tỷ giá hối đoái sẽ giảm xuống.

Chẳng hạn, khi Việt Nam nâng cao lãi suất tiền gửi hơn các nước trong khu vực thì lượng ngoại tệ sẽ chảy vào Việt Nam để mua các tín phiếu ngắn hạn, do đó sẽ làm cho cung ngoại tệ và đồng thời cũng làm giảm nhu cầu ngoại tệ xuống. Tỷ giá hối đoái do đó cũng giảm xuống. Tuy nhiên điều này có thực sự xảy ra hay không còn phụ thuộc vào điều kiện và môi trường kinh doanh của Việt Nam có đảm bảo an toàn cho các nhà đầu tư hay không, bởi vì các nhà đầu tư không chỉ quan tâm đến lợi nhuận thu được từ đầu tư mà còn rất quan tâm đến yếu tố an toàn vốn đầu tư.

- Yếu tố tâm lý

Yếu tố tâm lý là một yếu tố chủ yếu dựa vào sự phán đoán từ các sự kiện, tình hình chính trị, kinh tế của các nước và thế giới có liên quan. Chẳng hạn, mức thu nhập thực tế tăng lên sẽ làm tăng nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu, do đó làm cho nhu cầu ngoại hối để thanh toán hàng nhập khẩu cũng tăng lên. Tăng trưởng hay suy thoái kinh tế cũng có ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái. Khi nền kinh tế trong thời kỳ tăng trưởng nhanh, nhu cầu về ngoại tệ tăng và lúc đó giá ngoại tệ có xu hướng tăng. Ngược lại, trong thời kỳ kinh tế suy thoái, khủng hoảng, nhu cầu về ngoại tệ giảm làm cho giá ngoại tệ có xu hướng giảm.

Tỷ giá hối đoái là giá quốc tế, do đó những sự kiện kinh tế, chính trị trên thế giới cũng sẽ gây ảnh hưởng rất nhạy bén đến tỷ giá hối đoái.

- Vai trò quản lý của Ngân hàng Nhà nước

Trong chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý, vai trò can thiệp của Nhà nước giữ vị trí quan trọng. Cần nhấn mạnh rằng Nhà nước can thiệp bằng công cụ của thị trường thông qua Ngân hàng Nhà nước chứ không phải bằng các công cụ hành chính, tức là Ngân hàng Nhà nước tham gia vào thị trường với tư cách là người tham gia trên thị trường trong từng thời điểm để tác động lên cung hoặc cầu ngoại hối, từ đó tác động lên tỷ giá hối đoái phù hợp với chính sách tiền tệ của Nhà nước.

- Những yếu tố chính trị và điều kiện kinh tế

Các điều kiện kinh tế thay đổi hoặc các sự kiện kinh tế, tài chính sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh và đầu tư của quốc gia, từ đó ảnh hưởng đến các luồng tiền chạy ra và chạy vào quốc gia đó và kết quả là ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.

2.2. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đối với hoạt động xuất nhập khẩu

Sự biến động của tỷ giá tác động trực tiếp đến hoạt động XNK thông qua kênh giá cả. Dựa trên tỷ giá hối đoái, chúng ta có thể tính được giá trị hàng hoá XNK theo đồng tiền của một nước khác. Vì vậy, khi tỷ giá biến đổi thì kéo theo sự thay đổi của giá cả hàng hoá XNK. Chẳng hạn tỷ giá tăng, điều này làm cho giá cả hàng hoá và dịch vụ trong nước tính bằng ngoại tệ giảm giá tương đối trên thị trường nước ngoài hay nói cách khác là đang rẻ hơn (trong điều kiện giá cả hàng hoá và dịch vụ đó trong nước vẫn tương đối ổn định). Từ đó, góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ trong nước, thúc đẩy lượng hàng XK tăng. Ngược lại với lợi ích có được của nhà XK do tỷ giá tăng, thì nhà XK đang phải đối mặt với rủi ro. Khi tỷ giá tăng, giá cả hàng hoá NK đắt lên tương đối trong thị trường nội địa.

3. Các loại tiền tệ sử dụng trong thanh toán và tín dụng quốc tế

3.1. Khái niệm

- Tiền tệ tính toán (account currency): Là đơn vị tiền tệ được dùng để biểu hiện giá cả hàng hóa và tính toán giá trị hợp đồng.

- Tiền tệ thanh toán (Payment currency): Là đơn vị tiền tệ được dùng để thanh toán hợp đồng.

Tiền tệ tính toán và tiền tệ thanh toán có thể giống nhau hoặc khác nhau. Điều này tùy thuộc vào một số yếu tố như: Tập quán sử dụng đồng tiền trong thanh toán quốc tế, vị trí của đồng tiền đó trên thị trường quốc tế, tính chuyển đổi và tình hình lạm phát của đồng tiền đó...

Nói chung, khi tiến hành thanh toán, nhà XNK đều thích sử dụng đồng tiền của nước mình vì những lý do:

+ Có thể tránh được rủi ro tỷ giá ngoại tệ biến động;

+ Nâng cao uy tín đồng tiền của nước mình trên thị trường thế giới.

Hiện nay, trong thanh toán quốc tế thì USD vẫn được sử dụng nhiều nhất. Bên cạnh đó, còn có một số đồng tiền có khả năng chuyển đổi cao như JPY, GBP, SGD, AUD, EUR.

Tiền tệ tính toán và tiền tệ thanh toán có thể là các đơn vị tiền tệ sau đây:

+ Tiền tệ quốc tế (International Currency): Là đơn vị tiền tệ tập thể của các khu vực hoặc tổ chức tài chính quốc tế (EUR, SDR)

+ Tiền tệ quốc gia (National Currency): Là đồng tiền của từng quốc gia.

+ Tiền tệ chuyển nhượng (Transferable Currency): Là tiền tệ mà người sở hữu nó có quyền chuyển nhượng cho người khác qua hệ thống tài khoản mở tại ngân hàng.

+ Tiền tệ clearing (Clearing currency): Là tiền tệ quốc gia hoặc tiền tệ quốc tế nhưng không được chuyển đổi tự do, không được chuyển nhượng, mà chỉ có tác dụng ghi Nợ hoặc Có trên tài khoản clearing trong biên bản giữa 2 nước mở cho nhau.

3.2. Các biện pháp bảo đảm giá trị tiền tệ

Tỷ giá thường xuyên biến động do nhiều yếu tố ảnh hưởng. Do đó, để hạn chế những tác động xấu do sự biến động tỷ giá gây ra đối với các nhà kinh doanh XNK thì trong HĐNT, 2 bên có thể thỏa thuận áp dụng một số biện pháp để đảm bảo hối đoái như:

- *Biện pháp bảo đảm bằng vàng*: Để đảm bảo tính hợp lý trong thanh toán, các bên tham gia sẽ thỏa thuận với nhau nếu giá trị vàng của đồng tiền đã chọn

trong hợp đồng thay đổi khi thanh toán so với giá trị vàng của đồng tiền lúc ký kết hợp đồng thì giá cả hàng hóa và tổng trị giá hợp đồng mua bán sẽ được hai bên điều chỉnh lại một cách tương ứng.

- *Biện pháp đảm bảo bằng một đồng tiền mạnh, có giá trị ổn định*: Khi áp dụng điều kiện đảm bảo này, hai bên sẽ thỏa thuận và thống nhất chọn đồng tiền tương đối ổn định hơn đồng tiền tính toán trong hợp đồng để làm đảm bảo cho đồng tiền thanh toán. Cách tính đảm bảo này được dựa trên cơ sở tỷ giá hối đoái của 2 đồng tiền đã chọn vào thời điểm ký kết hợp đồng so với tỷ giá thời điểm thanh toán. Nếu tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền đó thay đổi thì giá cả hàng hóa và tổng trị giá hợp đồng được điều chỉnh lại một cách tương ứng.

- *Biện pháp đảm bảo theo rổ tiền tệ*: Cùng một ngoại tệ ở cùng một thời điểm, nhưng tỷ giá của nó có khi tăng so với ngoại tệ này, có khi giảm so với ngoại tệ kia. Để khắc phục tình trạng trên, người ta dựa vào một nhóm ngoại tệ hay còn gọi là rổ tiền tệ để đảm bảo cho đồng tiền tính toán, đồng tiền thanh toán. Khi áp dụng điều kiện đảm bảo này, hai bên mua bán phải thống nhất với nhau chọn các ngoại tệ khác đưa vào rổ tiền tệ, lấy tỷ giá hối đoái của các ngoại tệ đó so với đồng tiền được đảm bảo vào thời điểm ký kết hợp đồng và thời điểm thanh toán để điều chỉnh tổng trị giá của hợp đồng (nếu có biến động xảy ra).

Ví dụ: Đồng tiền tính toán và đồng tiền thanh toán trong hợp đồng là JPY. Tổng trị giá hợp đồng là 50.000JPY. Hai bên thống nhất chọn USD là đồng tiền đảm bảo cho JPY.

- Vào thời điểm ký kết hợp đồng: $1\text{USD} = 115\text{ JPY}$
- Vào thời điểm thanh toán: $1\text{USD} = 120\text{ JPY}$

Để tránh thiệt hại cho nhà xuất khẩu thì tổng trị giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh như sau: $50.000\text{ JPY} \times 120/115 = 52.173,91\text{ JPY}$

- Vào thời điểm thanh toán: $1\text{USD} = 110\text{ JPY}$

Để tránh thiệt hại cho nhà nhập khẩu thì tổng trị giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh như sau: $50.000\text{ JPY} \times 110/115 = 47.826,09\text{JPY}$.

4. Các phương tiện thanh toán quốc tế

4.1. Hối phiếu (Bill Of Exchange)

4.1.1. Định nghĩa về hối phiếu

Hối phiếu là một mệnh lệnh đòi tiền vô điều kiện do người xuất khẩu, người bán, người cung ứng dịch vụ... ký phát đòi tiền người nhập khẩu, người mua, người nhận cung ứng... và yêu cầu người này phải trả một số tiền nhất

định, tại một địa điểm xác định, trong một thời gian nhất định cho người hưởng lợi được quy định trong mệnh lệnh ấy.

❖ Các bên liên quan đến việc tạo lập và trả tiền hối phiếu:

- Người ký phát hối phiếu (drawer): Người chủ nợ ký phát hành hối phiếu để đòi tiền người mắc nợ. Người ký phát có thể là người bán, người xuất khẩu, người cung ứng dịch vụ... Trong ngoại thương, người ký phát hối phiếu chính là người xuất khẩu.

- Người trả tiền hay nhận ký phát (Drawee) là người thiếu nợ hay người nào khác do người thiếu nợ chỉ định ra có trách nhiệm trả tiền hối phiếu. Người nhận ký phát có thể là người mua, người nhập khẩu, người nhận dịch vụ cung ứng hoặc ngân hàng như ngân hàng mở thư tín dụng, ngân hàng xác nhận, ngân hàng thanh toán. Trong ngoại thương, tùy theo loại phương thức thanh toán, người nhận ký phát có thể là nhà nhập khẩu hoặc ngân hàng phát hành tín dụng theo yêu cầu của người nhập khẩu.

- Người hưởng lợi (Beneficiaries) là người được thụ hưởng số tiền ghi trên hối phiếu. Người hưởng lợi trước hết là người ký phát hối phiếu, kế đến là người do người ký phát hối phiếu chỉ định trên hối phiếu. Theo luật quản chế ngoại hối ở nước ta người hưởng lợi là các ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép kinh doanh ngoại hối.

4.1.2. Đặc điểm của hối phiếu

- *Tính trừu tượng của hối phiếu*: Được thể hiện ở chỗ trên hối phiếu không cần phải ghi nội dung quan hệ kinh tế hay nguyên nhân của việc trả tiền, mà chỉ cần ghi rõ số tiền, người thụ hưởng, thời gian thanh toán...

- *Tính bắt buộc trả tiền của hối phiếu*: Người trả tiền phải trả tiền đầy đủ đúng theo yêu cầu của tờ hối phiếu. Người trả tiền không được viện lý do riêng của bản thân đối với người ký phát hối phiếu, trừ trường hợp hối phiếu không phù hợp với đạo luật chi phối nó.

- *Tính lưu thông của hối phiếu*: Hối phiếu có thể chuyển nhượng từ người này sang người khác trong thời hạn của nó, người trả tiền sẽ thanh toán cho người cầm hối phiếu cho dù hợp đồng mua bán có thể không thực hiện hoàn chỉnh.

4.1.3. Nội dung chính của hối phiếu:

- Tiêu đề của hối phiếu: thường có hai cách trình bày tiêu đề: dùng chữ “Bill of Exchange” hoặc “Exchange for”. Chú ý nếu tiêu đề viết bằng tiếng Anh thì toàn bộ nội dung của hối phiếu phải viết bằng tiếng Anh.

- Số hiệu của hối phiếu: Để dễ dàng gọi tên và tham chiếu khi cần thiết, mỗi hối phiếu đều được gán cho một số hiệu nhất định. Số hiệu do người ký phát hối phiếu đặt ra, được ghi sau chữ No. và đặt trên cùng bên phải của văn bản hối phiếu.

- Địa điểm ký phát hối phiếu: Khi phát hành hối phiếu, người ký phát cần chỉ rõ ra địa điểm phát hành. Địa điểm phát hành là nơi hối phiếu được tạo lập ra, thường là tên thành phố, được ghi bên dưới tiêu đề và đặt ở giữa văn bản hối phiếu. Địa điểm ký phát quan trọng vì nó liên quan đến việc vận dụng luật pháp khi có tranh chấp liên quan đến hối phiếu.

- Ngày ký phát hối phiếu: Ngày, tháng và năm ký phát là thời điểm hối phiếu được lập ra, nó thường được ghi bên cạnh địa điểm ký phát hối phiếu. Ngày ký phát quan trọng vì nó đánh dấu thời điểm tính thời hạn hiệu lực của hối phiếu.

- Số tiền bằng số: Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng của hối phiếu, nó được ghi sau chữ For và đặt bên trái ngay dưới số hiệu hối phiếu hoặc ghi kế tiếp theo tiêu đề Exchange for của hối phiếu. Cần lưu ý rằng số tiền bằng số của hối phiếu phải diễn đạt rõ ràng bao gồm tên đầy đủ của đơn vị tiền tệ.

- Thời hạn trả tiền của hối phiếu: Thời hạn trả tiền được ghi tiếp ngay cạnh chữ At và có hai cách thể hiện thời hạn trả tiền của hối phiếu tùy theo hối phiếu sử dụng trong quan hệ mua bán trả ngay hay trả chậm. Nếu trả ngay, sau chữ At sẽ để trống không ghi gì cả hoặc ghi vào đó chữ sight. Nếu trả chậm, thời hạn trả tiền được ghi cụ thể bao nhiêu ngày vào sau chữ At.

- Thứ tự số bản của hối phiếu: Thông thường hối phiếu được phát hành hai bản và có đánh thứ tự số bản bằng chữ FIRST hoặc SECOND. Việc đánh thứ tự này chỉ có giá trị phân biệt bản này với bản kia chứ giá trị thanh toán của hai bản đều như nhau. Người trả tiền nhận được bản nào thì trả tiền bản ấy và đã trả tiền bản này thì khỏi trả tiền bản kia.

- Mệnh lệnh đòi tiền vô điều kiện: Mệnh lệnh đòi tiền được thể hiện bằng câu lệnh Pay to hoặc Pay to the order of và được đặt ngay sau nơi thể hiện thứ tự số bản của hối phiếu. Cần lưu ý rằng dù ghi thể nào mệnh lệnh đòi tiền cũng phải là câu lệnh vô điều kiện, nghĩa là sau câu lệnh này không được kèm theo bất cứ điều kiện gì.

- Tên người thụ hưởng: Tiếp sau câu lệnh là tên người thụ hưởng. Tên người thụ hưởng có thể là một trong các trường hợp sau: được chỉ định cụ thể, hoặc chỉ định là người cầm phiếu hoặc suy đoán theo lệnh.

- Số tiền bằng chữ: Tiếp theo tên người thụ hưởng là số tiền bằng chữ được thể hiện sau chữ *the sum of* và khớp đúng với số tiền bằng số. Cần lưu ý tên đơn vị tiền tệ cũng phải được thể hiện rõ ràng và đầy đủ như khi thể hiện số tiền bằng số.

- Tham chiếu chứng từ kèm theo: Tùy theo phương thức thanh toán được sử dụng, hồi phiếu sẽ được ký phát kèm theo chứng từ có liên quan khác.

- Tên người nhận ký phát: Tên người nhận ký phát được đặt dưới cùng bên trái văn bản hồi phiếu sau chữ To... Tùy theo phương thức thanh toán, tên người nhận ký phát có thể là tên doanh nghiệp nếu sử dụng trong phương thức nhờ thu hoặc tên ngân hàng phát hành tín dụng thư nếu hồi phiếu sử dụng trong phương thức tín dụng chứng từ.

- Tên và chữ ký người ký phát: Cuối cùng tên và chữ ký của người ký phát được đặt dưới cùng bên phải văn bản hồi phiếu. Người ký phát ở đây chính là người đòi tiền.

Mẫu 1(dùng trong phương thức nhờ thu)

No (2).....	BILL OF EXCHANGE (1)
For (7).....	
	Place (3), date (4).....
	At (5)..... sight of this first bill of exchange (second of the same tenor and date being unpaid)
	(6) Pay to the order of (10)
	The sum of (7)
To (8)	
	Drawer's signature (9)

Mẫu 2 (dùng trong phương thức tín dụng chứng từ)

No (2).....	BILL OF EXCHANGE (1)
For (7).....	
	Place (3), date (4).....
At (5)..... sight of this first bill of exchange (second of the same tenor and date being unpaid)	
(6) Pay to the order of (10)	
The sum of (7)	
Value received as per our invoice(s) No. Dated.....(11)	
Drawn under(12)	
Irrevocable L/C No. Dated (13)	
To (8)	
	Drawer's signature (9)

4.1.4. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu

- *Chấp nhận hối phiếu (Acceptance)*: Là sự cam kết trả tiền của người trả tiền Hối phiếu khi Hối phiếu đến hạn thanh toán. Hối phiếu đã được chấp nhận có khả năng chuyển nhượng được. Sau khi chấp nhận hối phiếu, người chấp nhận hối phiếu trở thành con nợ chính.

- *Ký hậu hối phiếu (Endorsement)*: Là thủ tục chuyển nhượng hối phiếu từ người hưởng lợi hối phiếu này sang người hưởng lợi khác. Người ký hậu hối phiếu chỉ ký tên vào mặt sau của hối phiếu và trao cho người hưởng lợi kế tiếp.

- *Chiết khấu hối phiếu (Discount)*: Là nghiệp vụ cho vay của ngân hàng bằng cách mua lại các hối phiếu có kỳ hạn trước khi đến hạn thanh toán.

- *Bảo lãnh hối phiếu (Guarantee)*: Là việc người thứ ba cam kết với người nhận bảo lãnh sẽ thanh toán toàn bộ hoặc một phần số tiền ghi trên hối phiếu nếu đã đến hạn thanh toán mà người được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ.

- *Thanh toán hối phiếu (Payment)*: Là việc người có nghĩa vụ thực hiện việc trả tiền theo như nội dung yêu cầu của hối phiếu khi hối phiếu đến hạn

thanh toán. Thời hạn thanh toán hối phiếu theo Luật các công cụ chuyển nhượng Việt Nam 2005:

- Ngay khi xuất trình (after sight)
- Sau một thời hạn nhất định kể từ ngày hối phiếu đòi nợ được chấp nhận (After ... days from acceptance date)
- Sau một thời hạn nhất định kể từ ngày ký phát
- Vào một ngày được xác định cụ thể (a determined date in future).

4.2. Séc (Cheque/Check)

4.2.1. Định nghĩa

Séc là một tờ mệnh lệnh vô điều kiện của người chủ tài khoản ra lệnh cho ngân hàng trích từ tài khoản của mình để trả cho người có tên trong séc, hoặc trả theo lệnh của người ấy hoặc trả cho người cầm séc một số tiền nhất định bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

Người có tiền mở tại ngân hàng một tài khoản, ngân hàng sẽ cấp cho người gửi tiền một quyển séc. Mỗi lần muốn rút tiền ra thì lập một tờ séc đưa đến ngân hàng để lĩnh tiền.

Séc là một phương tiện thanh toán được sử dụng rộng rãi trong các nước có hệ thống ngân hàng phát triển cao. Hiện nay séc là phương tiện chi trả được dùng hầu như phổ biến trong thanh toán nội địa của tất cả các nước. Séc cũng được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế về hàng hóa, cung cấp lao vụ, du lịch và về các chi trả phi mậu dịch khác.

Séc có giá trị thanh toán trực tiếp như tiền tệ, do vậy nó phải có những quy định về nội dung và hình thức theo luật định. Theo công ước Geneve năm 1931 được nhiều nước áp dụng, một tờ séc cần ghi đủ những điều sau đây:

- Tiêu đề của séc: Một lệnh trả tiền muốn được coi là séc thì phải có tiêu đề SÉC ghi trên tờ lệnh đó. Vì séc là lệnh nên khi ngân hàng nhận được séc sẽ phải chấp nhận vô điều kiện lệnh này, trừ trường hợp tài khoản phát hành séc không còn tiền hoặc tờ séc không đầy đủ tính chất pháp lý.

- Địa điểm và ngày tháng năm phát hành séc: Đây là một yếu tố quan trọng để xác định thời hạn thanh toán của tờ séc cũng như là căn cứ để giải quyết các tranh chấp nếu có xảy ra giữa các bên liên quan đến séc.

- Số tiền ghi trên séc phải rõ ràng, phải vừa ghi bằng số vừa ghi bằng chữ khớp nhau, có ký hiệu tiền tệ.

- Tên địa chỉ của người yêu cầu trích tài khoản, tài khoản được trích trả, ngân hàng trả tiền, tên địa chỉ của người hưởng số tiền trên séc, chữ ký của người phát hành séc.

Các yếu tố trên đây phải được ghi rõ ràng, chính xác tuyệt đối, không tẩy xóa và phải được ghi cùng một loại chữ, một thứ mực, không được ghi bằng mực đỏ. Điều cơ bản trong phát hành séc là người phát hành séc phải có tiền trên tài khoản mở tại ngân hàng, số tiền trên tờ séc không vượt quá số dư có trên tài khoản ở ngân hàng. Séc có thể phát hành để trả tiền cho một tổ chức, một cá nhân hoặc nhiều người, séc cũng có thể do một ngân hàng này phát hành trả tiền cho một ngân hàng khác.

Séc thường được in sẵn theo mẫu có những dòng để trống để người phát hành séc điền vào.

Đặc điểm của séc là có tính thời hạn, tức là tờ séc chỉ có giá trị tiền tệ hoặc thanh toán nếu thời hạn hiệu lực của nó chưa hết đối với séc thương mại. Thời hạn hiệu lực của tờ séc được ghi rõ trên tờ séc và tùy thuộc vào phạm vi không gian mà séc lưu hành và luật pháp các nước quy định. Nói chung séc lưu hành trong nội địa thời gian ngắn hơn lưu hành trong thanh toán quốc tế.

4.2.2. Phân loại séc

❖ *Căn cứ vào tính chất chuyển nhượng séc* được chia làm 4 loại sau đây:

- *Séc ghi tên*: Là loại séc ghi rõ họ tên người hưởng lợi. Loại séc này không thể chuyển nhượng bằng thủ tục ký hậu, chỉ có người hưởng lợi được ghi trên séc mới được lĩnh tiền ở ngân hàng.

- *Séc vô danh*: Là loại séc không ghi tên người hưởng lợi, chỉ ghi câu “trả cho người cầm séc”. Bất cứ ai cầm séc này cũng có thể lĩnh tiền ở ngân hàng, vì vậy không cần qua thủ tục ký hậu séc vẫn có thể chuyển nhượng bằng hình thức trao tay. Nếu để mất séc coi như mất tiền. Loại này dùng để nhận tiền mặt.

- *Séc theo lệnh*: Là loại séc ghi trả theo lệnh của người hưởng lợi ghi trên tờ séc đó. Trên tờ séc ghi “yêu cầu trả theo lệnh của ông X”. Loại này có thể chuyển nhượng được bằng thủ tục ký hậu như cách ký hậu của hối phiếu.

- *Séc theo lệnh nhưng không được chuyển nhượng* bằng cách ký hậu là loại séc có ghi tên người hưởng lợi nhưng ghi thêm điều kiện là không theo lệnh của người hưởng lợi này.

❖ *Căn cứ vào cách thanh toán séc* có thể chia làm 2 loại:

- *Séc chuyển khoản*: Là loại séc mà người ký phát séc ra lệnh cho ngân hàng trích tiền từ tài khoản của mình để chuyển trả sang một tài khoản khác của

một người khác trong hoặc khác ngân hàng. Séc chuyển khoản không thể chuyển nhượng được và không thể lĩnh tiền mặt được.

- *Séc tiền mặt*: Là loại séc mà ngân hàng thanh toán sẽ trả tiền mặt và người phát hành séc phải chịu rủi ro khi bị mất séc hoặc bị đánh cắp. Người cầm séc không cần sự ủy quyền cũng lĩnh được tiền.

❖ *Căn cứ vào người phát hành séc* được chia làm hai loại:

- *Séc cá nhân*: Được sử dụng để nhận tiền tại ngân hàng của nhà nhập khẩu. Thuận lợi cơ bản đối với người nhập khẩu là họ được hưởng lợi cho đến khi séc xuất trình tại ngân hàng của nhà nhập khẩu. Tuy nhiên, trong trường hợp này nhà nhập khẩu cũng phải chịu rủi ro khi tỷ giá ngoại tệ tăng. Tuy nhiên séc loại này không được an toàn khi sử dụng trong thanh toán quốc tế.

- *Séc bảo chi của ngân hàng hay séc xác nhận*: Loại séc này bảo đảm an toàn hơn trong thanh toán quốc tế và sử dụng thuận lợi hơn.

Ngoài ba cách phân loại séc nêu trên, còn có các loại séc đặc biệt như séc du lịch, séc gạch chéo, séc tài khoản của người hưởng lợi.

- *Séc du lịch*: Là loại séc do ngân hàng phát hành và được trả tiền tại bất cứ một chi nhánh hay đại lý của ngân hàng đó. Ngân hàng phát séc đồng thời cũng là ngân hàng trả tiền. Người hưởng lợi là khách du lịch có tiền tại ngân hàng phát séc. Trên séc du lịch phải có chữ ký của người hưởng lợi. Khi lĩnh tiền tại ngân hàng được chỉ định, người hưởng lợi phải ký tại chỗ để ngân hàng kiểm tra, nếu đúng, ngân hàng mới trả tiền. Thời gian của séc du lịch có hiệu lực do ngân hàng phát séc và người hưởng lợi thỏa thuận, có thể có hạn và có thể vô hạn.

- *Séc gạch chéo*: Là loại séc trên mặt trước của nó có hai gạch chéo song song với nhau. Séc gạch chéo không thể dùng để rút tiền mặt, thường được dùng để chuyển khoản qua ngân hàng. Séc loại này do người hưởng lợi séc gạch chéo bằng hai cách: (1) Séc gạch chéo thường tức là gạch chéo không tên tức là giữa hai gạch song song không ghi tên ngân hàng lĩnh hộ tiền và (2) séc gạch chéo đặc biệt

- *Séc tài khoản của người hưởng lợi*: Là loại séc mà người hưởng lợi không muốn ngân hàng trả tiền mặt mà muốn trả bằng chuyển khoản ghi vào tài khoản của người hưởng lợi với một câu ghi ngang qua tờ séc "Trả vào tài khoản" hoặc "chỉ ghi vào tài khoản của người hưởng lợi"

5. Các phương thức thanh toán quốc tế

5.1. Phương thức chuyển tiền (Remittance):

5.1.1. Khái niệm

Phương thức chuyển tiền là phương thức thanh toán đơn giản nhất, mà trong đó một khách hàng yêu cầu ngân hàng của mình trích một số tiền nhất định cho một người khác (người nhận tiền, tổ chức xuất khẩu) ở một địa điểm xác định và trong thời gian nhất định nào đó. Ngân hàng chuyển tiền thường thông qua ngân hàng đại lý của mình ở nước người hưởng lợi để thực hiện nghiệp vụ chuyển tiền.

Các bên tham gia phương thức chuyển tiền:

- Người chuyển tiền (remitter): Người mua, người nhập khẩu, người mắc nợ.
- Ngân hàng chuyển tiền: Ngân hàng phục vụ cho người chuyển tiền.
- Ngân hàng đại lý (agent bank): Là ngân hàng phục vụ cho người thụ hưởng và có quan hệ đại lý với ngân hàng chuyển tiền.
- Người thụ hưởng: Người bán, người xuất khẩu, chủ nợ.

5.1.2. Hình thức chuyển tiền

❖ Chuyển tiền điện báo (điện hối - Telegraphic Transfers - T/T): Ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền bằng cách điện ra lệnh cho ngân hàng đại lý ở nước ngoài chi trả cho người được hưởng. Loại này chuyển nhanh nhưng chi phí cao.

❖ Chuyển tiền bằng thư (thư hối - Mail Transfers - M/T): Ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền bằng cách viết thư ra lệnh cho ngân hàng đại lý ở nước ngoài chi trả cho người được hưởng. Loại này chuyển chậm, chi phí thấp.

Các phương thức trên ít được sử dụng trong mậu dịch quốc tế vì việc chuyển và nhận không kèm theo một điều kiện gì, rủi ro cao cho người bán khi hàng hóa và chứng từ đã giao hết cho người mua, rủi ro cũng xảy ra cho người mua khi phải trả trước tiền hàng trước khi hàng đến nơi.

5.1.3. Nội dung tiến hành nghiệp vụ

❖ Căn cứ vào Hợp đồng mua bán ngoại thương, tổ chức Xuất khẩu tiến hành giao hàng cho tổ chức Nhập khẩu và giao luôn bộ chứng từ.

❖ Sau khi kiểm tra hàng hóa nhận được, nếu đồng ý tổ chức Nhập khẩu sẽ làm lệnh chuyển tiền gửi đến ngân hàng phục vụ mình. Lệnh chuyển tiền phải làm đầy đủ các nội dung sau:

- Họ tên, địa chỉ, số tài khoản của người chuyển tiền
- Họ tên, địa chỉ, số tài khoản, ngân hàng của người nhận tiền